

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I-NĂM HỌC 2024-2025
MÔN NGỮ VĂN LỚP 11**A. LÝ THUYẾT****1. Cấu trúc:** gồm 2 phần

+ Đọc: HS có kỹ năng đọc hiểu văn bản theo đúng đặc trưng thể loại: Thơ trữ tình+ tích hợp Tiếng Việt (4,0 điểm)

+ Viết: HS có kỹ năng và viết được văn bản nghị luận hoàn chỉnh: viết đoạn NLVH, viết bài NLXH (6,0 điểm)

2. Hình thức: Tự luận**3. Yêu cầu cụ thể:****3.1. Phần đọc:**

Cho một văn bản thuộc thể loại thơ trữ tình . HS trả lời 5 câu hỏi theo các cấp độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Trong đó có 1 câu thuộc kiến thức Tiếng Việt. Cụ thể:

Nhận biết:

- Nhận biết được thể thơ, nhân vật trữ tình
- Gọi tên và chỉ ra biện pháp tu từ
- Chỉ ra câu nêu ý nghĩa khái quát của đoạn thơ
- Xác định đề tài của văn bản

Thông hiểu:

- Nêu hiệu quả biện pháp tu từ
- Nêu khái quát nội dung văn bản
- Hiểu như thế nào về nội dung/quan điểm/ý kiến từ văn bản
- Xác định/lí giải mục đích, quan điểm của người viết

Vận dụng:

- Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả được thể hiện trong câu văn/ văn bản không? Vì sao?
- Thông điệp/ bài học ý nghĩa nhất rút ra từ văn bản là gì? Vì sao?
- Từ nội dung văn bản/ câu văn...anh/chị có suy nghĩ gì?
- Văn bản/câu văn có ý nghĩa gì với anh/ chị?

3.2. Phần Viết:

- Về nội dung: HS viết được đoạn NLVH, bài NLXH . Trình bày được nhận thức, quan điểm và ý kiến đánh giá, bàn luận của bản thân một cách rõ ràng, thuyết phục.

- Về hình thức: bố cục bài viết rõ ràng, mạch lạc theo ba phần Mở - Thân - Kết; diễn đạt trong sáng, mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, câu từ, diễn đạt; có sự sáng tạo về từ ngữ, hành văn và tư tưởng trong bài viết.

2. Viết: Viết đoạn văn và bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội*** Viết đoạn văn:**

a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn

- Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:

c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.

*** Viết bài văn**

a. Mở bài: giới thiệu vấn đề xã hội cần bàn luận

b. Thân bài:

- Giải thích vấn đề
- Phân tích biểu hiện
- Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng
- Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều, liên hệ ví dụ thực tế.
- Bài học

c. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề nghị luận. Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề

B. THỰC HÀNH

Đề 1

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

NHỮNG BÔNG HOA TRÊN TUYẾN LỬA

- Đỗ Trung Quân¹ -

...(1) Em là người thanh niên xung phong
Không có súng, chỉ có đôi vai cáng thương, tải đạn
Giữa tầm đạn thù, tâm lòng dũng cảm
Em vượt đường dài tiếp thêm lửa chiến công.

(3) Ôi! Những bông hoa nở giữa chiến trường,
Nở rực rỡ cả hương lẫn sắc.
Nhìn vết bầm trên má em mà tôi muốn khóc
Sao em cười đôn hậu quá em ơi!

(2) Tôi thấy rồi em ơi, giữa cuộc hành quân
Niềm kiêu hãnh trong mắt em kì lạ
Trên chiếc áo bạc màu trăm miếng vá
Cô gái Việt Nam đẹp đến lạ thường.

(Nguồn <https://scov.gov.vn/vanhocnghethuat>)

Đỗ Trung Quân sinh năm 1955, tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong một gia đình có truyền thống yêu nước, cách mạng. Ông là một nhà thơ, nhạc sĩ, nhà báo, MC, diễn viên, và là một người đa tài trong lĩnh vực nghệ thuật. Thơ của ông viết về những đề tài quen thuộc của cuộc sống, như quê hương, đất nước, gia đình, tình yêu. Phong cách thơ của ông trữ tình, giàu cảm xúc, và luôn hướng về những giá trị truyền thống của dân tộc.

Bài thơ “*Những bông hoa trên tuyến lửa*” sáng tác năm 1979 khi ông tham gia phong trào thanh niên xung phong **bảo vệ biên giới Tây Nam Tổ quốc**.

Thực hiện yêu cầu từ câu số 1 đến câu số 5:

Câu 1. Nhân vật em trong bài thơ là ai?

Câu 2. Chỉ ra hai hình ảnh mà tác giả đã thấy ở cô gái thanh niên xung phong giữa cuộc hành quân trong khổ thơ thứ 2).

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật ẩn dụ trong câu thơ sau:

“Ôi! Những bông hoa nở giữa chiến trường,
Nở rực rỡ cả hương lẫn sắc.”

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét thái độ, tình cảm của tác giả đối với cô gái thanh niên xung phong được thể hiện trong hai câu thơ cuối:

“Nhìn vết bầm trên má em mà tôi muốn khóc
Sao em cười đôn hậu quá em ơi!”

Câu 5. Bài thơ *Những bông hoa trên tuyến lửa* gợi anh/chị suy nghĩ gì đến hiện thực chiến đấu của những người nữ thanh niên xung phong trong cuộc kháng chiến chống Mĩ?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích vẻ đẹp của cô gái thanh niên xung phong trong đoạn thơ sau:

*Em là người thanh niên xung phong
Không có súng, chỉ có đôi vai cẳng thương, tải đạn
Giữa tầm đạn thù, tấm lòng dũng cảm
Em vượt đường dài tiếp thêm lửa chiến công.*

(Trích “*Những bông hoa trên tuyến lửa*”, Đỗ Trung Quân)

Câu 2. (4,0 điểm)

Theo đuổi ước mơ là con đường dẫn chúng ta đến thành công.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về việc theo đuổi ước mơ của tuổi trẻ.

Hướng dẫn chấm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Xác định nhân vật em: Cô gái thanh niên xung phong.	0,5
	2	Chỉ ra 02 chi tiết: <i>niềm kiêu hãnh trong mắt em</i> và <i>chiếc áo bạc màu trăm miếng vá</i> .	0,5
	3	Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong câu thơ: “ <i>Ôi! Những bông hoa nở giữa chiến trường, Nở rực rỡ cả hương lẫn sắc.</i> ” - Nghệ thuật ẩn dụ: “ <i>Những bông hoa</i> ” tượng trưng cho những nữ thanh niên xung phong - Tác dụng: + Gợi vẻ đẹp phơi phới của tuổi trẻ, vẻ đẹp tâm hồn, lòng dũng cảm, vẻ đẹp của tình yêu Tổ quốc của những cô thanh niên xung phong. + Sự ngợi ca, yêu mến, khâm phục của tác giả với những cô gái trẻ trung, xinh đẹp mà dũng cảm, phi thường. + Câu thơ giàu sức gợi hình, biểu cảm, sinh động.	1,0
	4	Nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả đối với cô gái thanh niên xung phong được thể hiện trong hai câu thơ cuối: “ <i>Nhìn vết bầm trên má em mà tôi muốn khóc Sao em cười đôn hậu quá em ơi!</i> ” - Thương yêu, xót xa, cảm phục trước những gian khổ, hi sinh của những cô gái thanh niên xung phong. - Ngợi ca, trân trọng, tự hào về vẻ đẹp nhân hậu, về phẩm chất kiên cường bất khuất của những cô gái thanh niên xung phong.	1,0
	5	HS có thể diễn đạt bằng nhiều cách. Gợi ý: Bài thơ “ <i>Những bông hoa trên tuyến lửa</i> ” gợi liên tưởng đến hiện thực khốc liệt của chiến tranh; những người nữ thanh niên xung phong phải trải qua khó khăn, gian khổ, chịu nhiều mất mát, hi sinh, ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày suy nghĩ thuyết phục, hợp lí: 0,5 điểm. - Học sinh trình bày suy nghĩ chưa thuyết phục: 0,25 điểm.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1.	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích vẻ đẹp của cô gái thanh niên xung phong trong đoạn thơ trích từ bài thơ “ <i>Những bông hoa trên tuyến lửa</i> ” – Đỗ Trung Quân.	2,0

		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>vẻ đẹp cô gái thanh niên xung phong được thể hiện trong đoạn thơ.</i>	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một gợi ý: - Hai câu đầu: vẻ đẹp giản dị, khiêm nhường, nghị lực vượt gian khó + Bút pháp tự sự; nghệ thuật đối: “ <i>không có súng</i> ” với “ <i>chỉ có đôi vai căng thương, tải đạn</i> ”; hình ảnh hoán dụ “ <i>đôi vai căng thương, tải đạn</i> ”; nhịp thơ ngắn dài ngắt quãng. + Vẻ đẹp mộc mạc, giản dị đời thường nhưng rất đỗi kiêu hùng, ngời sáng nghị lực kiên cường của người chiến sĩ cách mạng. - Hai câu sau: vẻ đẹp của lòng dũng cảm, tinh thần yêu nước + Nghệ thuật đối: hiện thực chiến tranh (<i>Giữa tầm đạn thù</i>) với tinh thần quả cảm (<i>tám lòng dũng cảm</i>); ẩn dụ <i>lửa</i> : ngọn lửa nhiệt huyết, lòng yêu nước cháy bỏng. + Tấm lòng yêu nước, xông pha nơi bom đạn, sẵn sàng hi sinh cho Tổ quốc, góp sức vào chiến thắng của dân tộc. - Nhận xét: vẻ đẹp cô thanh niên xung phong đại diện cho thế hệ trẻ yêu nước, dù chịu nhiều gian khổ, mất mát, hi sinh nhưng họ đã tự nguyện chấp nhận, gánh vác trách nhiệm lịch sử lớn lao của thế hệ mình vì độc lập tự do của dân tộc. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: vẻ đẹp cô gái thanh niên xung phong trong đoạn trích. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2		<i>Theo đuổi ước mơ là con đường dẫn chúng ta đến thành công.</i> Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về việc theo đuổi ước mơ của tuổi trẻ.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> <i>Suy nghĩ của bản thân về việc theo đuổi ước mơ của tuổi trẻ.</i>	0,5
		<i>c. Đề xuất đúng được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục của bài văn nghị luận” * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích vấn đề nghị luận + Ước mơ: là những dự định, khát khao mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được trong thời gian ngắn hoặc dài; là động lực để mỗi chúng ta vạch ra phương hướng đường đi để dẫn tới ước mơ. + Theo đuổi ước mơ: là nỗ lực, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bỏ sức lực, trí tuệ để có thể biến ước mơ thành hiện thực. - Thể hiện quan điểm của người viết theo một số ý sau: + Ước mơ có vai trò quan trọng với mỗi người, giúp chúng ta sống cuộc đời có ý	1,0

	<p>nghĩa, cống hiến cho xã hội; + Việc theo đuổi ước mơ sẽ giúp ta đạt được mục tiêu đã đặt ra, giúp ta có cơ hội để thể hiện và khẳng định bản thân mình; + Nhờ theo đuổi ước mơ mà con người biết sống có kế hoạch, biết vạch sẵn ra những bước đi để biến ước mơ thành hiện thực, giảm bớt sự buồn tẻ, đơn điệu trong cuộc sống; ... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện... * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân</p>	
	<p>d. <i>Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và luật pháp.</p>	1,5
	<p>đ. <i>Diễn đạt</i> Đảm bảo chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

-----HẾT-----

Đề 2**I. ĐỌC HIỂU****Đọc văn bản:**

“Cỏ dại quen nắng mưa
 Làm sao mà giết được
 Tới mùa nước dâng
 Cỏ thường ngập trước
 Sau ngày nước rút
 Cỏ mọc đầu tiên”

Câu thơ nào trong ý nghĩ vụt lên
 Khi tôi bước giữa một vùng cỏ dại
 Không nhà cửa, không bóng cây. Tìm lối
 Cũ đường hào rẽ cỏ mà đi.

Người dân quân tử sừng lẳng nghe
 Bài hát nói về khu vườn đầy trái
 Anh bỗng nghĩ đến một vùng cỏ dại
 Nỗi nhớ đầu anh nhớ quê anh

Mảnh đạn bom và chất lân tinh
 Đã phá sạch không còn chi nữa
 Chỉ có sắt, chỉ còn có lửa
 Và cuối cùng còn có đất mà thôi

Thù trong lòng và cây sừng trên vai
 Cùng đồng đội anh trở về làng cũ

*Anh nhận thấy trước tiên là cỏ
Sự sống đầu anh gặp ở quê hương*

*Có một lần anh tìm đến bà con
Khi xúm xít quanh anh thăm hỏi
Giữa câu chuyện có điều này đau nhói:
- Đất quê mình có đã mọc lên chưa?*

*Trong cuộc đời bình yên tựa nghìn xưa
Gần gũi nhất vẫn là cây lúa
Trưa nắng khát ước về vườn quả
Lúc xa nhà nhớ một dáng mây
Một dòng sông, ngọn núi, rừng cây
Một làn khói, một mùi hương trong gió...*

*Có mấy ai nhớ về ngọn cỏ
Mọc vô tình trên lối ta đi
Dẫu nhỏ nhoi không đáng nhớ làm chi
Không nghĩ đến nhưng mà vẫn có.*

(Xuân Quỳnh thơ và đời, NXB Văn hóa, 1998, tr.24-25)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ trong những câu thơ: *Lúc xa nhà nhớ một dáng mây/ Một dòng sông, ngọn núi, rừng cây/ Một làn khói, một mùi hương trong gió.*

Câu 3. Trình bày hiệu quả của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của “tôi” trong văn bản.

Câu 4. Nêu sự vận động cảm xúc của “tôi” trong văn bản.

Câu 5. Từ hình ảnh ngọn cỏ “quen nắng mưa, làm sao mà giết được”, anh /chị hãy rút ra bài học về lẽ sống cho bản thân (trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT

Câu 1 (2 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về bài thơ “Cỏ dại” của Xuân Quỳnh.

Câu 2 (4 điểm)

Hội nhập quốc tế đem đến nhiều cơ hội nhưng cũng lắm thách thức cho việc bảo tồn và phát triển văn hoá truyền thống.

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần/ Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU	4.0
1	- Số chữ trong các dòng thơ không đồng nhất/không bằng nhau là cơ sở để xác định thể thơ tự do	0,5
2	Biện pháp tu từ liệt kê: <i>dáng mây, dòng sông, ngọn núi, ...</i>	0,5
3	Hiệu quả của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của “tôi”: - Tạo giọng điệu tha thiết, chiêm nghiệm, suy tư. - Thể tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc với quê hương của nhà thơ Xuân Quỳnh.	1,0
4	Sự vận động cảm xúc của “tôi”: - Những suy tư, chiêm nghiệm của người lính về cỏ dại - ẩn dụ cho sức sống mãnh	1,0

	liệt của quê hương. - Nỗi nhớ thương, niềm mong mỏi trở về quê nhà của những chiến sĩ trẻ.	
5	Học sinh có thể rút ra bài học phù hợp về lẽ sống tích cực kèm theo lí giải. Có thể theo hướng: bài học về ý chí, nghị lực; sự kiên cường; sự dũng cảm; sức sống mãnh liệt;...	1,0
II	VIẾT	6,0
1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về bài thơ “Cỏ dại” của Xuân Quỳnh.	2,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng đoạn văn</i> Đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng (150 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Cảm nhận bài thơ “cỏ dại” của nhà thơ Xuân Quỳnh.	0,25
	<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả Xuân Quỳnh, bài thơ “Cỏ dại”. - Hình ảnh cỏ dại mang nghĩa ẩn dụ, tượng trưng: + Để nói về sức sống mãnh liệt của quê hương đồng thời bộc lộ nỗi xót thương, niềm mong mỏi trở về quê nhà của những chiến sĩ trẻ. + Vươn lên mạnh mẽ trong chiến tranh, không gì tàn phá được . + Biểu tượng cho con người Việt Nam trong đau thương vất vả (kiên cường, bất khuất, ..) + Là hiện thân cho vẻ đẹp bình dị của làng quê. + Hình ảnh: Cỏ dại, lúa, dòng sông, ngọn núi, rừng cây... Tất cả hình ảnh trên gợi nhớ quê hương đậm tình. Dù mang trọng trách trên vai nhưng người lính vẫn luôn nhớ về quê hương, nơi đã dưỡng dục sinh thành. Sau chiến tranh người ta mất mọi thứ ngoại trừ đất và cỏ. Cỏ mang sức sống mãnh liệt, không ai có thể hủy diệt được. Tác giả mượn hình ảnh cỏ để nói lên tâm tư, tình cảm dành cho những con người tuy bề ngoài nhỏ bé nhưng ý chí, nghị lực phi thường. Chỉ có sức mạnh nội tại mới vượt qua tất cả. - Nghệ thuật: + Bài thơ được viết theo thể thơ tự do với nhịp điệu đa dạng kèm theo cách gieo vần tự do. + Hình ảnh thơ gần gũi, quen thuộc. Sử dụng các hình ảnh rất giản dị như: cây lúa, vườn quả, dáng mây, dòng sông, ngọn núi, rừng cây, làn khói, mùi hương, ngọn cỏ. + Sử dụng biện pháp liệt kê để nêu ra các hình ảnh quen thuộc của miền quê.	0,5
	<i>d. Diễn đạt</i>	0,5

	- Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng việt, liên kết câu trong đoạn văn.	
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
2	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: cơ hội và thách thức cho việc bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống trong thời kì hội nhập.	4
	<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng bài văn</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (500 chữ) của bài văn.	0,5
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Cơ hội và thách thức cho việc bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống trong thời kì hội nhập.	0,5
	<i>c. Viết bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng sau: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: - Giải thích: Văn hoá truyền thống là những giá trị vật chất và tinh thần được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Hội nhập quốc tế là quá trình liên kết, gắn kết các quốc gia, dân tộc vì mục tiêu phát triển và tạo sức mạnh tập thể giải quyết vấn đề chung. - Bàn luận: + Hội nhập quốc tế là cơ hội để văn hoá truyền thống được tiếp xúc với những nền văn hoá trên thế giới; trở nên phong phú, đa dạng, vừa mang nét truyền thống vừa hiện đại; tạo cơ hội để quảng bá du lịch, đất nước, thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc. + Hội nhập quốc tế là thách thức, bởi khi hội nhập, văn hoá truyền thống chịu áp lực cạnh tranh, xung đột lớn, có nguy cơ mai một, mất bản sắc; quá trình hội nhập văn hoá có thể tác động tiêu cực đến tâm lí và lối sống của con người, đặc biệt với người trẻ. + Tuổi trẻ năng động, sáng tạo nhưng thiếu bản lĩnh và hiểu biết chưa sâu sắc nên cần ý thức được vai trò, trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống; tích cực học tập, nghiên cứu, có hành động cụ thể để quảng bá văn hoá dân tộc; tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hoá văn hoá nhân loại. - Mở rộng vấn đề trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận.	2
	<i>d. Diễn đạt</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,5
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5